

13  
645 268-023  
Tây duy cũ 881

UBND HUYỆN AN LÃO  
TRƯỜNG MN QUANG HƯNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 27/QĐ-MNQH

Quang Hưng, ngày 23 tháng 11 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BGD ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế thực hiện công khai ngân sách đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ vào công văn số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân;

Căn cứ quyết định số 6832/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 của UBND Huyện An Lão về việc phân bổ và phê duyệt kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với căn hộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ;

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ nhà trường,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 của trường MN Quang Hưng (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Ban thanh tra nhân dân, hội đồng sư phạm nhà trường, bộ phận tài vụ và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Lưu VT



**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**Hoàng Thị Lan Anh**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN LÃO

KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH MỨC TĂNG LƯƠNG CƠ SỞ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ  
73/2024/NĐ-CP NĂM 2024 - HUYỆN AN LÃO

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2024 của UBND huyện An Lão)  
Đơn vị: đồng

STT	Đơn vị	Tổng nhu cầu kinh phí	Nguồn kinh phí		Ghi chú
			Nguồn cải cách tiền lương huyện	Nguồn cải cách tiền lương ngân sách thành phố cấp bổ sung	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>37,523,237,000</b>	<b>13,626,785,000</b>	<b>23,896,452,000</b>	-
<b>I. Mầm non</b>		<b>12,012,989,000</b>	<b>4,539,000,000</b>	<b>7,473,989,000</b>	
1	Mầm non Bát Trang	770,930,000	267,000,000	503,930,000	
2	Mầm non Trường Thọ	807,775,000	267,000,000	540,775,000	
3	Mầm non Trường Thành	625,451,000	267,000,000	358,451,000	
4	Mầm non An Tiến	569,999,000	267,000,000	302,999,000	
5	Mầm non Sao Sáng	818,929,000	267,000,000	551,929,000	
6	Mầm non An Thắng	618,066,000	267,000,000	351,066,000	
7	Mầm non Tân Dân	524,621,000	267,000,000	257,621,000	
8	Mầm non Trường Sơn	544,684,000	267,000,000	277,684,000	
9	Mầm non Thái Sơn	824,972,000	267,000,000	557,972,000	
10	Mầm non An Thái	813,405,000	267,000,000	546,405,000	
11	Mầm non An Thọ	555,671,000	267,000,000	288,671,000	
12	Mầm non Mỹ Đức	969,179,000	267,000,000	702,179,000	
13	Mầm non Chiến Thắng	670,281,000	267,000,000	403,281,000	
14	Mầm non Tân Viên	727,341,000	267,000,000	460,341,000	
15	Mầm non Quốc Tuấn	705,954,000	267,000,000	438,954,000	
16	Mầm non Quang Trung	820,363,000	267,000,000	553,363,000	
17	Mầm non Quang Hưng	645,368,000	267,000,000	378,368,000	
<b>II. Tiểu học</b>		<b>12,163,931,000</b>	<b>4,005,000,000</b>	<b>8,158,931,000</b>	
1	Tiểu học Bát Trang	816,160,000	267,000,000	549,160,000	
2	Tiểu học Trường Thọ	1,068,231,000	267,000,000	801,231,000	
3	Tiểu học An Tiến	888,214,000	267,000,000	621,214,000	